TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 94/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-10-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Duy Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 87/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn Đ; nơi cư trú: Thôn 3, TrA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị M; nơi cư trú: Thôn 3, TrA, xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là anh Vũ Văn Đ trình bày:

Anh và chị Phạm Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 15/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời

gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị M.

Về con chung: Anh và chị M có 03 con chung là Vũ Thị Nhật L, sinh ngày 15/3/2006 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu giải quyết; Vũ Thành L1, sinh ngày 20/9/2008 và Vũ Thị Huyền Ch, sinh ngày 27/8/2015. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Thành L1 và Vũ Thị Huyền Ch. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự thoả thuận với chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phạm Thị M vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Toà án và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án Toà án tiến hành xác minh tại địa phương và xác minh tại gia đình chị M xác định được:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung anh Đ trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý, hiện vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng.

Về con chung: Chị M và anh Đ 03 con chung là Vũ Thị Nhật L, sinh ngày 15/3/2006 đã trưởng thành và phát triển bình thường; Vũ Thành L1, sinh ngày 20/9/2008 và Vũ Thị Huyền Ch, sinh ngày 27/8/2015, hiện đang sinh sống cùng anh Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xác định được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh Vũ Văn Đ được ly hôn Chị Phạm Thị M; về con chung: Giao con 02 chung là Vũ Thành L1, sinh ngày 20/9/2008 và Vũ Thị Huyền Ch, sinh ngày 27/8/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh Đ và chị M không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; con chung Vũ Thị Nhật L, sinh ngày 15/3/2006 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Vũ Văn Đ có đơn xin ly hôn với chị Phạm Thị M có nơi cư trú tại xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn Đ và chị Phạm Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 15/3/2005. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị M chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ xin ly hôn, chị M không có quan điểm về việc ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị M đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, qua xác minh tại địa phương và gia đình chị M xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị M như nội dung anh Đ trình bày là đúng từ

đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn Đ xin ly hôn với Chị Phạm Thị M.

[4] Về con chung: Anh Đ và chị M có 03 con chung là Vũ Thị Nhật L, sinh ngày 15/3/2006; Vũ Thành L1, sinh ngày 20/9/2008 và Vũ Thị Huyền Ch, sinh ngày 27/8/2015, các con hiện đang sinh sống cùng anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vũ Thành L1 và Vũ Thị Huyền Ch, chị M không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung là Vũ Thành L1 và Vũ Thị Huyền Ch hiện đang sinh sống cùng anh Đ, đều đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sinh sống cùng anh Đ, anh Đ có việc làm, có thu nhập ổn định hơn chị M. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao 02 con chung là Vũ Thành L1 và Vũ Thị Huyền Ch cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ và chị M tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết. Đối với con chung Vũ Thị Nhật L đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị M không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Đ phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và L phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn Đ được ly hôn chị Phạm Thị M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Thành L1, sinh ngày 20/9/2008 và Vũ Thị Huyền Ch, sinh ngày 27/8/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thoả thuận, không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí L phí Tòa án theo biên lai thu số 0009362 ngày 10/7/2024 của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Anh Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Ch cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã LH, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh